

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 16/2023/DSST

Ngày: 21 – 4 – 2023

“ *V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du.

Bà Trương Thị Kim Thiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:**
Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2022/TLST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về “***Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX - ST ngày 24 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim T** – sinh năm: 1946 (vắng mặt)

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Kim T là ông **Phạm Văn H** – sinh năm: 1950; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Tờ uỷ quyền ngày 07/6/2022) (có mặt).*

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu N** – sinh năm: 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Phước V** – sinh năm: 1970 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 40/21, đường C, Phường 4, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T do ông Phạm Văn H đại diện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim T có chồng là ông Nguyễn Văn N (chết ngày 27/10/2016) có hai người con ruột tên Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Phước V. Trong quá trình ông N và bà T chung sống vợ chồng, có tạo lập được khối tài sản

gồm phần đất diện tích 3.261,5m², đất thổ vườn, thuộc thửa 570 và phần đất diện tích 6.941,8m², thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 14 cùng tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông N và bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào ngày 20/02/2014, ông N và bà T có lập tờ di chúc nội dung: Đối với phần đất diện tích 3.261,5m², thửa 570, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long sẽ chia đôi thành hai phần như sau: Phần đất diện tích 1.630m² sẽ tặng cho con trai lớn là anh Nguyễn Phước V và phần đất còn lại diện tích 1.630m² sẽ tặng cho con gái là chị Nguyễn Thị Thu N. Trên phần đất tặng cho chị Thu N có một căn nhà tường cấp 4 nhưng nội dung di chúc chỉ cho đất chứ không cho căn nhà vì sử dụng chung và làm nhà thờ. Hiện nay, anh V và chị N đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai phần đất này. Đối với phần đất diện tích 6.941,8m², thửa số 28, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để ông N và bà T dưỡng già khi bệnh hoạn, đau yếu và lo tống táng.

Nay bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông Nguyễn Văn Nhân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc Nguyễn Thị Thu N phải có nghĩa vụ ký tên các loại giấy tờ để bà T lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà T và ông Nguyễn Văn N qua cho bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 6.941,8m².

Đối với căn nhà tường cấp 4 nằm trên phần đất diện tích 1.630m² (đã sang tên cho chị Nguyễn Thị Thu N) thì vẫn sử dụng chung làm nhà thờ. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hiện nay bà T cùng chị N và con gái chị N đang sống chung trong căn nhà này.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:***

Vào thời điểm tờ di chúc do bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N lập vào ngày 20/02/2014, khi lập di chúc và di chúc được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực thì chị N hoàn toàn không biết. Ông N và bà T không có thông báo cho chị N biết việc lập di chúc.

Sau khi ông N chết được khoảng 02 đến 03 năm, bà T có giao tờ di chúc cho chị N xem, chị N có đọc nội dung tờ di chúc thì chị không có ý kiến gì. Chị N được bà T tặng cho phần đất 1.630m², nằm trong phần đất diện tích 3.261,5m², thửa 570 được ghi nhận tại mặt bốn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N và bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất còn lại là

1.630m² thì bà T tặng cho anh Nguyễn Phước V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ ký tên các loại giấy tờ để bà T lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên thì chị N không đồng ý. Chị N không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 6.941,8m².

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước V trình bày:**

Vào thời điểm tờ di chúc do bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N lập vào ngày 20/02/2014, khi lập di chúc và di chúc được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực thì anh V có nghe ông N, bà T nói lại nhưng không biết nội dung cụ thể trong tờ di chúc.

Năm 2015, thì bà T và ông N có tặng cho và chuyển sang cho anh V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 1.630m², nằm trong phần đất diện tích 3.261,5m², thửa 570. Phần diện tích đất còn lại là 1.630m² thì anh Vinh có nghe bà Trắc nói lại đã tặng cho và sang tên cho em gái anh V là chị Nguyễn Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ ký tên các loại giấy tờ để bà T lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên thì anh V đồng ý và thống nhất với yêu cầu của bà T. Ngoài ra, anh không ý kiến, yêu cầu gì.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến là: Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 630, Điều 634 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với yêu cầu chị Ngân phải có nghĩa vụ ký tên các loại giấy tờ để bà Trắc lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng phần đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền đến cơ quan chuyên môn đăng ký biến động theo quy định của Luật đất đai.

* Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất giữa bà và chị Nguyễn Thị Thu N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước V có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[3] Phần đất yêu cầu chia thừa kế có diện tích 6.941,8m², tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Xuân Minh 2, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN419531 do Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 22/10/2013.

[4] Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu công nhận cho bà được thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông

Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc được lập ngày 20/02/2014 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kim T.

Chị N không đồng ý theo yêu cầu của bà T. Chị N không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 6.941,8m².

[5] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim T là có cơ sở. Vì theo tờ di chúc lập ngày 20/02/2014 do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kim T lập đã xác định phần đất chia thừa kế là của ông N và bà T. Trong trường hợp, ông N và bà T mất thì phần đất trên sẽ thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Phước V. Đối với yêu cầu của bà T, anh V đã có ý kiến thống nhất. Do đó, đối với yêu cầu của bà T được hưởng thừa kế phần đất diện tích 6.941,8m², tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì vậy, công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 6.941,8m², tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long có tứ cận cụ thể các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Thị Kim có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc chị Ngân phải có nghĩa vụ ký tên các loại giấy tờ để bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[6] Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 3.254.000đ. Buộc chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp 3.254.000đ để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp tạm ứng trước.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bà T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 624, Điều 626, Điều 628, Điều 630, Điều 636, Điều 659 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu N phải ký tên giấy tờ để bà Nguyễn Thị Kim T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.941,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN419531 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 22/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N.

Vị trí, kích thước, giáp cận phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm kèm theo bản án.

Bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký theo quy định.

2. Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 3.254.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ nên buộc chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp 3.254.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T.

3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiệu

Căn cứ Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 của Luật người cao tuổi; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

